

BIỂU PHÍ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Hiệu lực từ ngày 26/04/2025

A NHỜ THU		
A.1 Nhờ thu đến		
	Xử lý bộ chứng từ nhờ thu đến (DA, DP)	0,2% trị giá BCT nhờ thu; Tối thiểu: 500.000VND/25 USD
A.2 Nhờ thu đi		
1	Xử lý bộ chứng từ nhờ thu đi (DA, DP)	0,15% trị giá nhờ thu; Tối thiểu: 500.000VND/25 USD
2	Sửa đổi chỉ thị nhờ thu	500.000VND/25 USD
B THƯ TÍN DỤNG (LC)		
B.1 LC nhập khẩu/LC nội địa dành cho KH là Bên mua		
1	Phát hành LC	Đối với phần không ký quỹ: 1%/năm trị giá LC không ký quỹ. Đối với phần ký quỹ: 0,075% trị giá ký quỹ. Tối thiểu: 1.000.000VND/50USD
2	Tu chỉnh LC	
2.1	Tăng tiền/Gia hạn	Như mục B.1.1 (tính trên phần tăng thêm/gia hạn); Tối thiểu: 500.000VND/25USD <i>Lưu ý: với sửa đổi gia hạn tính trên phần không ký quỹ</i>
2.2	Tu chỉnh khác/Hủy LC	500.000VND/25USD
3	Xử lý bộ chứng từ (BCT) theo LC	
3.1	Xử lý BCT trả ngay	0,2% trị giá đòi tiền; Tối thiểu: 500.000VND/25USD
3.2	Xử lý BCT trả chậm (Usance LC)	2,2%/năm x (trị giá đòi tiền - trị giá ký quỹ tương ứng); Tối thiểu: 1.000.000VND/50USD
3.3	Xử lý BCT trả chậm (UPAS LC)	Theo thỏa thuận
3.4	Chấp nhận hoàn trả BCT trả chậm (UPAS LC)	Theo thỏa thuận
3.5	Xử lý BCT theo LC có chỉ định Ngân hàng thương lượng/Ngân hàng mua hẳn	Theo thỏa thuận
3.6	Chấp nhận thanh toán BCT trả chậm theo LC có chỉ định Ngân hàng thương lượng/Ngân hàng mua hẳn	Theo thỏa thuận
4	Phí thực hiện hoàn trả theo L/C	800.000VND/40USD/ 40EUR/ 3200JPY/ 40AUD/ 28GBP/ 48SGD/ 280CNY + điện phí
B.2 LC xuất khẩu/LC nội địa dành cho KH là Bên bán		
1	Thông báo LC/Thông báo sửa đổi LC (Miễn phí khi Bên mua và Bên bán là KH của cùng 1 ĐVKD)	500.000VND/25USD
2	Kiểm tra BCT (không xuất trình đòi tiền qua Techcombank)	1.000.000VND/50USD
3	Chuẩn bị BCT theo yêu cầu của KH	0,08% trị giá đòi tiền; Tối thiểu 500.000VND
4	Xử lý BCT (Miễn phí đối với LC nội bộ)	0,15% trị giá đòi tiền; Tối thiểu: 500.000VND/25USD
5	Hủy thư tín dụng theo yêu cầu	500.000VND/25USD
6	Chuyển nhượng thư tín dụng	0,1% giá trị chuyển nhượng; Tối thiểu: 1.000.000VND/50USD
B.3 LC chuyển khẩu		Các khoản phí như mục B.1
1	Phí xử lý bổ sung cho giao dịch LC chuyển khẩu khi phát hành LC	500.000VND/25USD/giao dịch

B.4	Mua hân miễn truy đòi BCT theo LC	
1	Mua hân miễn truy đòi BCT theo LC	Theo thỏa thuận
2	LC trả chậm	Theo thỏa thuận
C	BẢO LÃNH	
C.1	Phát hành bảo lãnh	
1	Phát hành bảo lãnh/Thư tín dụng dự phòng/Bảo lãnh trực tiếp dựa trên bảo lãnh đối ứng của NH khác	Tối thiểu: 500.000VND/25USD (Đối với phần ký quỹ: 0,6%/năm trị giá ký quỹ)
1.1	Bảo lãnh thanh toán/Bảo lãnh vay vốn	2,2%/năm
1.2	Bảo lãnh khác	1,8%/năm
2	Bảo lãnh người mua nhà	1,6%/năm
3	Bảo lãnh đối ứng cho NH khác phát hành bảo lãnh trực tiếp	Như mục C.1.1 + phí của NH phát hành bảo lãnh trực tiếp
4	Thu bổ sung phí phát hành khi sửa đổi biện pháp bảo đảm (từ ký quỹ sang biện pháp bảo đảm khác)	Phần chênh lệch mức phí phát hành do thay đổi biện pháp bảo đảm (như mục C.1); Tối thiểu: 200.000VND/10USD
C.2	Sửa đổi nội dung bảo lãnh	
1	Sửa đổi tăng tiền/gia hạn + sửa đổi khác (nếu có)	Như mục C.1 (tính trên phần tăng thêm/gia hạn); Tối thiểu: 500.000VND/25USD
2	Sửa đổi khác	300.000VND/15USD
C.3	Thông báo bảo lãnh/thông báo sửa đổi bảo lãnh	500.000VND/25USD
C.4	Dịch vụ khác	
1	Thư bảo lãnh khác mẫu	200.000VND/10USD
2	Xử lý đòi tiền theo bảo lãnh trực tiếp của NH khác phát hành theo yêu cầu của KH	0,2% trị giá đòi tiền; Tối thiểu: 500.000VND/25USD
3	Xử lý và thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh do TCB phát hành	0,1% trị giá đòi tiền; Tối thiểu: 500.000VND/25USD
4	Cấp hạn mức bảo lãnh	0,05% giá trị hạn mức
D	BAO THANH TOÁN XUẤT KHẨU	
1	Phí phải trả cho Đơn vị Bao thanh toán nhập khẩu	Theo thông báo của Đơn vị Bao thanh toán nhập khẩu tại từng giao dịch
E	ĐIỆN PHÍ VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC	
E.1	Ký hậu vận đơn và phát hành bảo lãnh nhận hàng	
1	Ký hậu vận đơn/Ủy quyền nhận hàng/Ký cargo receipt trên BCT	200.000VND/10USD
2	Bảo lãnh nhận hàng	1.000.000VND/50USD
E.2	Điện phí	
1	Điện phí phát hành LC/Bảo lãnh/Thư tín dụng dự phòng/ Chuyển nhượng LC	600.000VND/30USD
2	Các điện phí khác	300.000VND/15USD
3	Chuyển tiếp điện	500.000VND/25USD
E.3	Phí chuyển phát	
1	Trong nước	Tối thiểu 100.000VND
2	Nước ngoài	Tối thiểu: 30USD
E.4	Phí xác nhận	
1	Xác nhận LC/SBLC	Theo thỏa thuận

G	PHÍ DỊCH VỤ KHÁC	
1	Phí dịch vụ tài trợ thương mại khác	Theo thỏa thuận

Lưu ý:

- Các giao dịch được phép sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước và thuộc mức phí min thì áp dụng mức phí min bằng USD. Phí này có thể được thu bằng VND theo tỷ giá bán ra của Techcombank công bố từng thời kỳ hoặc theo tỷ giá thỏa thuận.
- Các giao dịch không được phép sử dụng ngoại tệ và thuộc mức phí min thì áp dụng mức phí min bằng VND.
- Biểu phí này chưa bao gồm VAT. Techcombank sẽ tính thuế VAT đối với các phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định của Pháp Luật hiện hành.
- LC nội bộ được hiểu là LC mà Người yêu cầu mở và Người thụ hưởng đều là KH của TCB, TCB là NH phát hành và Ngân hàng thông báo/Ngân hàng xuất trình.